【ベトナム語版】 2026.10～

税 証 明 交 付 申 請 書 ĐƠN XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THUẾ

豊 田 市 長 Kính gửi Thị trưởng Toyota

Nếu có thẻ mã số cá nhân, bạn có thể in tờ chứng nhận thuế thu nhập mới nhất tại các cửa hàng tiện lợi.

● Vui lòng đánh dấu (✔) vào các mục cần thiết

(Năm) (Tháng) (Ngày)

窓口に来た人 Người đến quầy đăng ký　令和＿＿年＿＿月＿＿日

フリガナ Tên Furigana		生年月日 Ngày tháng năm sinh (Năm) (Tháng) (Ngày) ＿＿年＿＿月＿＿日
氏名 Tên		
住所 Địa chỉ	Tel.: (- -)	関係 Mối quan hệ với người yêu cầu

1. Ghi chú Vui lòng xuất trình giấy tờ tùy thân như giấy phép lái xe, thẻ ngoại kiều.
2. Trường hợp người đến quầy đăng ký không phải là người yêu cầu hoặc gia đình của người yêu cầu thì cần phải có chữ ký hoặc con dấu của người yêu cầu (người ủy quyền) tại mục người ủy quyền, hoặc phải có giấy ủy quyền từ người yêu cầu.
3. Trường hợp người yêu cầu đã mất, cần phải có chữ ký hoặc con dấu của người thừa kế tại mục người ủy quyền, hoặc phải có giấy ủy thác từ người thừa kế.
4. Dựa vào từng trường hợp, có thể cần phải trình giấy tờ xác nhận người thừa kế như hộ khẩu hoặc giấy thỏa thuận phân chia tài sản

頼んだ人（証明を受ける人又は所有者）Người yêu cầu (Người được chứng nhận hoặc chủ sở hữu)

Tôi ủy quyền cho người đến quầy đăng ký xin cấp giấy chứng nhận dưới đây. (Năm) (Tháng) (Ngày)
私は窓口に行く人に、下記の証明書の交付を依頼します。 令和＿＿年＿＿月＿＿日

☐課税証明書 Chứng nhận thu nhập
☐納税証明書 Chứng nhận nộp thuế
☐完納証明書 Chứng nhận không phát sinh nợ thu

フリガナ Tên Furigana		サイン Ký tên	生年月日 Ngày tháng năm sinh (Năm) (Tháng) (Ngày) ＿＿年＿＿月＿＿日
氏名 Tên			
住所 Địa chỉ	Tel.: (- -)		

5. Vui lòng ghi số điện thoại liên lạc. Dùng trong trường hợp có vấn đề cần xác định về nội dung tờ ủy thác.
6. Nếu phát hiện có sự giả mạo hoặc phương thức bất chính để yêu cầu giấy tờ, sẽ phải chịu phạt theo quy định.

必要なもの **Hồ sơ cần thiết**	使いみち **Mục đích sử dụng**	年度・件数 **Năm và số lượng bản sao**
☐課税証明書 (収入額等の証明) "Kazei shōmeisho" **Chứng nhận thu nhập** **(Chứng nhận mức lương v.v.)**	☐ 融資 Cho vay ☐ 融資保証人 Làm người bảo lãnh vay vốn ☐ 扶養･健康保険 Người phụ thuộc/Bảo hiểm sức khỏe ☐ 奨学金貸付等（高校・大学）Để vay học bổng (Trung học phổ thông, đại học) ☐ 公営住宅入居 Vào nhà ở thuộc nhà nước quản lý ☐ 年金手続き Làm thủ tục lương hưu ☐ 入国管理局 Nộp cục quản lý xuất nhập cảnh ☐ 就学支援金（高校）Tiền hỗ trợ học phí (Trung học phổ thông) ☐ 児童手当 Trợ cấp trẻ nhỏ ☐ 住まい給付金 Tiền trợ cấp nhà ở ☐ その他 Khác (＿＿＿＿＿＿＿＿) ☐ 福祉医療費助成制度（子・ひとり親家庭・障) Chế độ hỗ trợ phúc lợi y tế (trẻ em/bà mẹ/người khuyết tật) ☐ 要保護就学援助費（小・中）Tiền trợ cấp học phí với người cần bảo hộ (tiểu học/trung học cơ sở) ☐ 障がい手当（市・県）Trợ cấp người khuyết tật (thành phố/tỉnh) ☐ 保育園 Trường mầm non ☐ 特定医療費/特定疾患 Chi phí y tế đặc biệt/ Bệnh đặc biệt ☐ B型 C型肝炎 Viêm gan B, viêm gan C ☐ その他 Khác (＿＿＿＿＿＿＿＿)	☐本人 Người đến quầy đăng ký ☐頼んだ人 Người ủy quyền Thu nhập của năm ＿＿＿＿＿＿年分所得 Thuế của năm ＿＿＿＿＿＿年度課税 Số bản＿＿＿＿＿＿件
☐完納証明書 "Kannō shōmeisho" **Chứng nhận không phát sinh nợ thu** ☐納税証明書 "Nōzei shōmeisho" **Chứng nhận nộp thuế** ☐個人市県民税 Thuế thị dân của cá nhân ☐固定資産税 Thuế tài sản cố định ☐国民健康保険税 Thuế bảo hiểm y tế quốc dân	☐ 融資 Cho vay ☐ 補助金申請 Đăng ký tiền trợ cấp ☐ 公営住宅入居 Vào nhà ở thuộc nhà nước quản lý ☐ 民間住宅入居 Vào nhà ở thuộc tư nhân quản lý ☐ 契約 Hợp đồng ☐登記 Đăng ký (Bất động sản) ☐ 入札参加 Tham gia đấu thầu ☐ 入国管理局 Nộp cục quản lý xuất nhập cảnh ☐ その他 Khác (＿＿＿＿＿＿＿＿)	☐本人 Người đến quầy đăng ký ☐頼んだ人 Người ủy quyền Thuế của năm ＿＿＿＿＿＿年度課税 Số bản＿＿＿＿＿＿件

※納税証明書が必要な方で、納付してから概ね３週間経過していない場合は、領収書をご持参ください。※Nếu muốn xin giấy chứng nhận nộp thuế trong trường hợp mới nộp thuế trong vòng 3 tuần thì cần trình giấy chứng nhận đã nộp tiền.

確認	免 ・ 旅 ・ 在力 ・ 特永 ・ 障 ・個力・ 保 ・ CA ・ 診 ・ 聞取 ・ その他（ ）	課税（有）	課税（無）	完納	納税	受付	作成	レジ